

## BÁO CÁO

**Kết quả thanh tra, kiểm tra đảm bảo an toàn thực phẩm trong dịp tết  
Trung thu năm 2020**

**I. Công tác chỉ đạo:** (nêu cụ thể)

**II. Kết quả thanh tra, kiểm tra tại cơ sở thực phẩm** (không bao gồm các cơ sở do đoàn liên ngành T.Ư thực hiện và báo cáo):

**1. Việc tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra**

Tổng số đoàn thanh tra, kiểm tra:

Trong đó:

1.1 Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến tỉnh:

1.2 Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến huyện:

1.3 Số đoàn kiểm tra tuyến xã:

**2. Kết quả thanh tra, kiểm tra: (Lập bảng riêng đối với tuyến huyện và tuyến xã)**

**Bảng 1:** Kết quả thanh tra, kiểm tra:

TT	Loại hình cơ sở thực phẩm	Tổng số cơ sở	Số CS được thanh, kiểm tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ % đạt
1	Sản xuất, chế biến	10	03	02	66%
2	Kinh doanh	54	42	22	54,7%
3	Dịch vụ ăn uống	02			
	Tổng số (1 + 2 + 3)	66	45	25	59,5%

**Bảng 2:** Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Số lượng	Tỷ lệ % so với số được kiểm tra
1	Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra	45	68%
2	Số cơ sở có vi phạm	22	49%
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý		
	Trong đó:		
3.1	Hình thức phạt chính:		
	Số cơ sở bị cảnh cáo		
	Số cơ sở bị phạt tiền		
	Tổng số tiền phạt		
3.2	Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả		
*	Số cơ sở bị đóng cửa		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm		
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành		
*	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm		
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy	07	

*	Số cơ sở phải khắc phục về nhãn	05	11%
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu q/cáo		
	Số loại tài liệu q/cáo bị đình chỉ lưu hành		
*	Các xử lý khác		
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý		
3.4	Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)	22	49%

**Bảng 3:** Các nội dung vi phạm chủ yếu

TT	Nội dung vi phạm	Số CS được thanh tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Điều kiện vệ sinh cơ sở			
2	Điều kiện trang thiết bị dụng cụ			
3	Điều kiện về con người			
4	Công bố tiêu chuẩn sản phẩm/công bố hợp quy/phù hợp quy định an toàn thực phẩm/ Bản tự công bố sản phẩm/ đăng ký Bản công bố sản phẩm			
5	Ghi nhãn thực phẩm	45	05	11%
6	Quảng cáo thực phẩm			
7	Chất lượng sản phẩm thực phẩm			
8	Vi phạm khác (ghi rõ)			

**Bảng 4:** Kết quả kiểm nghiệm mẫu:

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
1	Xét nghiệm nhanh			
2	Xét nghiệm tại labo			
2.1	Hóa lý			
2.2	Vi sinh			
	<b>Cộng</b>			

### 3. Các nội dung khác

#### III. Nhận xét, đánh giá chung

Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu thực tế tại các bảng từ 1 - 4.

#### IV. Đề xuất kiến nghị (ghi cụ thể).



Nhon Hòa, Ngày 15 tháng 9 năm 2020

**NGƯỜI BÁO CÁO**



**Cao Thị Hoài**

**TRẠM Y TẾ**



**Huỳnh Thị Tố Ngọc**

